



ĐỐI TƯỢNG CỦA ASP.NET

Thời lượng: 120 phút

GV: ThS. PHAN LONG

Email: phanlong92@gmail.com

Phone: 090 3333 080



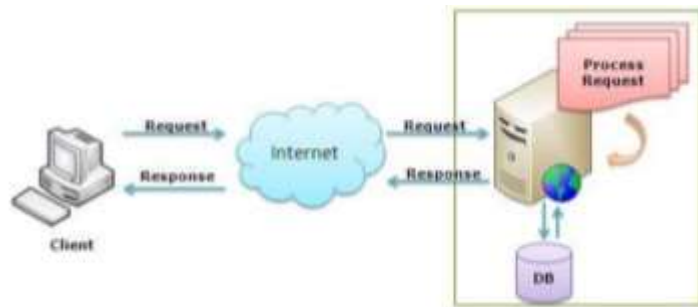
NỘI DUNG

- ❖ *Đối tượng Response*
- ❖ *Đối tượng Request*
- ❖ *Đối tượng Session*
- ❖ *Đối tượng Cookie*
- ❖ *Đối tượng Application*
- ❖ *Đối tượng Server*



ĐỐI TƯỢNG REQUEST & RESPONSE

- Cho phép server gửi dữ liệu trở về trình duyệt như một đáp ứng, trả lời hay thông tin với client.
- Thuộc Lớp System.Web



Quá trình Request – Response của Http



ĐỐI TƯỢNG REQUEST

- Nhận thông tin từ trình duyệt, thông tin này bao gồm các thông số của Form được gửi lên thông qua phương thức POST (mặc định)/GET hay các thông số gửi kèm trang ASP.NET được gọi.
- Đối tượng Request còn dùng để trao đổi các thông tin giữa các trang ASP.NET trong cùng website thông qua các giá trị cookies trên máy client.
- Bảng thuộc tính và phương thức của Request



ĐỐI TƯỢNG REQUEST

- Lấy dữ liệu từ người dùng gửi lên:
- ❖ Request.QueryString["Tên_Phần_tử_cần_đọc"]: Để đọc giá trị của một phần tử được gửi theo phương thức Get (Method = "Get").
- ❖ Phương thức Request.Form ["Tên_Phần_tử_cần_đọc"] : Để đọc giá trị của một phần tử được gửi theo phương thức Post (Method = "Post").



ĐỐI TƯỢNG RESPONSE

- Đối tượng Response được sử dụng để giao tiếp với client, nó quản lý và điều phối thông tin từ Web Server đến các trình duyệt của người dùng.
- Bảng các thuộc tính và phương thức của Response
- Trong đó, hai phương thức chính thường dùng: Write và Redirect.

❖ Ví dụ:

Chuyển tới trang sanpham.aspx trong cùng web site:

```
Response.Redirect("sanpham.aspx");
```

❖ Chuyển tới trang www.amazon.com:

```
Response.Redirect("http:// www.amazon.com ");
```



ĐỐI TƯỢNG RESPONSE

Ví dụ minh họa Request, Response

- ❖ Bước 1 : Tạo 2 trang ASP.NET gồm trang NhapTen.aspx và trang XemChiTiet.aspx. Bảng mô tả các thuộc tính của các controls trang NhapTen.aspx.

Control	Tên thuộc tính	Giá trị thuộc tính
Label	Text	Nhập tên
Label	Text	Ngày sinh
TextBox	ID	txtTen
TextBox	ID	txtNgaySinh
Button	Text	Xem chi tiết
	ID	btnXemChiTiet



ĐỐI TƯỢNG RESPONSE

minh họa Nhập tên

Kết quả trả về



ĐỐI TƯỢNG RESPONSE

❖ Bước 2 : Viết code xử lý cho các trang.

code behide trang nhapten.aspx.cs

```
protected void btnXemChiTiet_Click(object sender, EventArgs e)
{
    //Lấy các giá trị đã nhập vào các TextBox
    string strHoTen = txtTen.Text;
    string strNgaySinh = txtNgaySinh.Text;
    //Chuyển quan trang XemChiTiet.aspx
    Response.Redirect("XemChiTiet.aspx?Ten=" + strHoTen + "&NgaySinh=" + strNgaySinh);
}
```



ĐỐI TƯỢNG RESPONSE

code behide trang Xemchitiet.aspx.cs

```
public partial class XemChiTiet : System.Web.UI.Page
{
    protected void Page_Load(object sender, EventArgs e)
    {
        //Lấy các giá trị từ trang NhapTen.aspx
        string strHoTen = Request.QueryString["Ten"];
        string strNgaySinh = Request.QueryString["NgaySinh"];
        string s = "Xin chào bạn : <b>" + strHoTen + "</b><br>" +
            "Ngày sinh của bạn là : <b>" + strNgaySinh + "</b>";
        //In xuống trình duyệt
        Response.Write(s);
    }
}
```



Thảo luận

Sinh viên tự thiết kế một webform lấy dữ liệu từ webform khác => đối chiếu kết quả



ĐỐI TƯỢNG SERVER

- Đối tượng Server được sử dụng để cung cấp thông tin của Server cho ứng dụng.
- Danh sách Thuộc tính/Phương thức:

Tên thuộc tính	Diễn giải
MachineName	Lấy tên của Web Server
ScriptTimeout	Thiết lập thời gian xử lý tối đa 1 file



ĐỐI TƯỢNG SERVER

Phương thức	Diễn giải
Excute	Thực thi một trang ASP.NET khác
HtmlDecode	Giải mã chuỗi thành các thẻ HTML tương ứng (ngược với HtmlEncode)
HtmlEncode	Mã hóa HTML thành chuỗi
MapPath	Lấy đường dẫn vật lý hoặc đường dẫn ảo đến một thư mục trên Server
Transfer	Ngừng thi hành trang hiện hành, gửi yêu cầu mới đến trang được gọi thực hiện
UrlDecode	Ngược lại của UrlEncode, giải mã chuỗi mã hóa URL
UrlEncode	Mã hóa URL thành chuỗi (khoảng trắng thành dấu "+", ký tự không thuộc chữ và số sẽ chuyển thành số hexadecimal).



ĐỐI TƯỢNG SERVER

Phân biệt Response.Redirect với Server.Transfer:

- Response.Redirect: Chuyển đến 1 trang mới giống như gõ địa chỉ trang đó trên trình duyệt và request đến server.
- Server.Transfer: Cũng chuyển đến trang mới nhưng ở phía Server, làm giảm request đến server, giữ nguyên URL và có thể chuyển cả các query string và biến n trên Form đến địa chỉ mới, chỉ thực hiện giữa các trang trên cùng 1 host.

* Ví dụ đối tượng Server: Minh họa Upload file lên server.



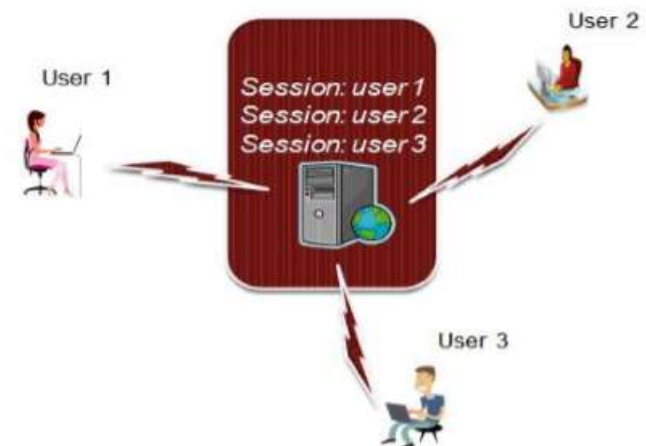
ĐỐI TƯỢNG SESSION

1. Khái niệm:

- Là đối tượng của lớp **HttpSessionState** thuộc không gian tên **System.Web.SessionState**.
- Lấy nội dung trang và thực hiện một số tương tác với ứng dụng rồi đóng kết nối
- Dùng để lưu trữ thông tin về phiên làm việc của người dùng.
- Session hết hạn khi gọi Website khác hay đóng cơ sở trình duyệt, hay ta có thể quy định thời gian hết hạn của session



ĐỐI TƯỢNG SESSION



Hình 9: Session trong ASP.NET



ĐỐI TƯỢNG SESSION

2. Cơ chế làm việc của Session:

- User yêu cầu hiển thị 1 trang web
- ASP.NET sẽ dò từng liên kết trong mã HTML, cuối mỗi liên kết, ASP.NET sẽ gắn thêm Session ID đã được mã hoá, như

- Khi user kích vào một liên kết, ASP.NET sẽ giải mã và chuyển Session đó đến trang web user yêu cầu



ĐỐI TƯỢNG SESSION

3. Kiểm soát đối tượng Session:

- Session hết hạn khi gọi Website khác hay đóng cửa sổ trình duyệt, hay ta có thể quy định thời gian hết hạn của session

Session.Timeout = 500

- hay có thể kết thúc session ngay tức khắc bằng cách hủy bỏ session:

Session.Abandon



ĐỐI TƯỢNG SESSION

3. Lưu và nhận giá trị vào Session:

- Lưu trữ giá trị value vào session với tên khóa name hay tại vị trí index:

Session[string name] = value;

Session[int index] = value;

Có thể sử dụng đối tượng Session.Contents thay cho đối tượng Session

Session.Contents[string name] = value

Session.Contents[int index] = value

Ví dụ: **Session ["username"] = "hoa"**



ĐỐI TƯỢNG SESSION

- Nhận giá trị từ session với tên khóa name:

object Session[string name]

Ví dụ: Response.Write(Session["username"])

- Xóa giá trị từ session với tên khóa name hay tại vị trí index

void Session.Remove(string name)

void Session.RemoveAt(int index)



ĐỐI TƯỢNG SESSION

- Đếm số giá trị từ session:

int Session.Count

Ví dụ: Có thể duyệt tất cả các giá trị từ session

```
for (int i = 0; i < Session.Count; i++)
Response.Write(Session[i].ToString() +
"<br>");
```



ĐỐI TƯỢNG COOKIE

1. Khái niệm:

Session là cơ chế lưu thông tin một phiên kết nối phía trình chủ. Còn cookies lưu thông tin một phiên kết nối trên tập tin ở máy khách. Cookies được lưu trên máy khách bởi trình duyệt, và được gửi lên máy chủ khi yêu cầu hiển thị trang web. Thường cookies dùng để lưu các thông tin liên quan đến user như tên người sử dụng đã ghé thăm web site, mật khẩu





ĐỐI TƯỢNG COOKIE

2. Lưu và nhận đối tượng từ Cookie:

- Tạo Cookie: có 2 phương pháp

* Tạo nhiều Cookies, mỗi Cookie kèm với một giá trị value (Cookie 1 giá trị)

Response.Cookies[string name].Value = value

Response.Cookies[int index].Value = value

* Tạo một Cookie với nhiều cặp key/value (Cookie nhiều giá trị)

Response.Cookies[string name][string key] = value



ĐỐI TƯỢNG COOKIE

Có thể tạo đối tượng Cookie, rồi sử dụng hàm Add để bổ sung Cookie vào tập hợp Cookie

HttpCookie c = new HttpCookie(string name)

HttpCookie c = new HttpCookie(string name, string value)

Response.Cookies.Add(HttpCookie cookie)

- Cập nhật giá trị của đối tượng Cookie trong tập hợp Cookie

Response.Cookies.Set(HttpCookie cookie)

- Truy xuất giá trị cookies do trình khách gửi lên

Request.Cookies[string name].Value

Request.Cookies[string name][string key]



ĐỐI TƯỢNG COOKIE

- Xóa đối tượng Cookie với tên khóa name
Response.Cookies.Remove(string name)
- Xóa tất cả các đối tượng Cookie
Response.Cookies.Clear()
- Tổng của các cặp khóa/ giá trị Cookie trong tập hợp Cookie nhận được bởi biến Count:
Response.Cookies.Count



ĐỐI TƯỢNG COOKIE

3. Kiểm soát giá trị Cookie:

- Thiết lập thời gian hết hạn của giá trị Cookie

Response.Cookies["user"].Expires = DateTime.Parse("02/20/2008")

Thiết lập thời gian hết hạn của giá trị Cookie là sau một tháng kể từ lúc thực hiện:

Response.Cookies["user"].Expires = DateTime.Now.AddMonths(1)

- Để xóa tất cả giá trị Cookie ở máy client, ta đơn giản thiết lập giá trị của Expires thành 0 hay giá trị thời gian thuộc về quá khứ, Cookie sẽ biến mất khi user đóng trình duyệt



Link tham khảo: phân biệt session và cookie trong asp
<https://www.youtube.com/watch?v=VrrtAvLK-b4>



BÀI TẬP

1. Kể vài đặc tính và ứng dụng dùng đối tượng Cookie?
2. So sánh đối tượng Cookie và Session
3. So sánh đối tượng Session và Application
4. Phát triển trang web sử dụng đối tượng Application để hiển thị số người dùng truy cập Website